

Số: 4438/BTTTT-KHTC

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc CTMTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: 2021-2025

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2022

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP), Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (Viết tắt là Chương trình); Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TTTT) hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan Trung ương (Viết tắt là các bộ, cơ quan Trung ương) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Viết tắt là UBND cấp tỉnh) thực hiện nhiệm vụ “Thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Nội dung số 02 (Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số), trong Tiểu dự án 10.1 (Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030) của Chương trình như sau:

I. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Quán triệt thực hiện đầy đủ các nguyên tắc quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Đảm bảo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới và nâng cao năng lực công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển (Viết tắt là Quyết định số 1191/QĐ-

TTg) và không trùng lặp với việc thực hiện bằng nguồn vốn nhà nước ở các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án khác.

3. Thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phải góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia của Việt Nam và góp phần giữ gìn, phát huy quan hệ hữu nghị, hợp tác phát triển với các quốc gia có chung đường Biên giới với Việt Nam.

4. Có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

5. Đảm bảo thực hiện công tác giám sát, đánh giá thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chủ trì nội dung thành phần (Bộ TTTT), cơ quan chủ chương trình (Ủy ban Dân tộc) và các cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định của pháp luật

II. VỀ MỤC TIÊU THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Mục tiêu thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện theo mục tiêu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1191/QĐ-TTg. Trong phạm vi Chương trình giai đoạn 2021-2025, tập trung thực hiện các mục tiêu cụ thể sau:

1. Cung cấp các tài liệu chính thống (bằng ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng nước ngoài và tiếng dân tộc thiểu số) nhằm phục vụ công tác thông tin đối ngoại cho các Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện biên giới, các đồn Biên phòng.

2. Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác thông tin đối ngoại cho các lực lượng thông tin đối ngoại khu vực biên giới và các đồn Biên phòng.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong khuôn khổ thực hiện Chương trình và phù hợp với Điều 53 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trong Quyết định số 1191/QĐ-TTg như sau:

1. Sản xuất các sản phẩm thông tin phục vụ công tác thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Mục tiêu: Tăng cường nội dung thông tin đối ngoại tại các địa bàn huyện, xã có đường biên giới quốc gia để nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm

của các cơ quan nhà nước, các tổ chức và nhân dân trong công tác đối ngoại góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển;

b) Yêu cầu:

- Yêu cầu về nội dung:

+ Sản phẩm thông tin phải có nội dung phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước.

+ Sản phẩm thông tin phải gắn với thực hiện mục tiêu thông tin đối ngoại khu vực biên giới, có nội dung thiết yếu, chuyên sâu, có ý nghĩa thực tiễn, có giá trị lan tỏa.

+ Phù hợp với tình hình thực tế và khả năng tiếp cận thông tin của nhân dân khu vực biên giới.

+ Không trùng lặp với việc thực hiện nhiệm vụ của các chương trình, đề án khác sử dụng nguồn vốn nhà nước.

- Về hình thức, ngôn ngữ thể hiện: Dễ tiếp cận đối với đối tượng tuyên truyền, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhân dân khu vực biên giới quốc gia.

c) Nội dung thông tin, tuyên truyền:

- Chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, qua đó, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, tăng cường, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

- Tuyên truyền công tác dân tộc, chính sách dân tộc về bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển của các dân tộc Việt Nam, đặc biệt là khu vực biên giới, qua đó góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

- Tuyên truyền về tiềm năng, thế mạnh, các chính sách thu hút đầu tư ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới.

- Các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc khu vực biên giới gắn với phát triển du lịch.

- Thành tựu của Việt Nam trong việc bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở vùng dân tộc thiểu số, gồm: các quyền kinh tế, quyền tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục, chăm sóc sức khỏe, nước sạch và vệ sinh môi trường, nhà ở, thông tin, việc làm).

- Đấu tranh với các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, lợi dụng không gian mạng nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu vực biên

giới; những nỗ lực, quyết tâm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm quyền của đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Hình thức sản phẩm thông tin đối ngoại: Bản tin (thể hiện dưới dạng âm thanh, chữ viết, hình ảnh), tài liệu (thông tin chuyên đề, sổ tay nghiệp vụ), tờ rơi, tờ gấp, áp phích, thư viện điện tử, video clip và các sản phẩm thông tin điện tử khác. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác sản xuất các sản phẩm thông tin có chủ đề nội dung chuyên sâu, có giá trị, ý nghĩa lâu dài;

đ) Về ngôn ngữ: Căn cứ thực tế về nhu cầu, tập quán, sử dụng ngôn ngữ của nhân dân khu vực biên giới; các sản phẩm thông tin đối ngoại được sản xuất bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số, ngôn ngữ nước ngoài, ngôn ngữ các nước có chung đường biên giới với Việt Nam (tiếng Lào, tiếng Campuchia, tiếng Trung Quốc) phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền và thông tin đối ngoại;

e) Thực hiện in, nhân bản, phát hành, phát sóng, đăng các sản phẩm thông tin đối ngoại phục vụ đối tượng, địa bàn thụ hưởng; ưu tiên đối với vùng biên giới có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống;

g) Trên cơ sở nội dung sản phẩm thông tin đối ngoại do các bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương tổ chức sản xuất và cung cấp bằng kinh phí ngân sách nhà nước; Bộ TTTT chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tôn giáo Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Công an và các bộ, cơ quan Trung ương có liên quan triển khai lựa chọn và tổ chức chuyên ngữ bằng tiếng dân tộc, tiếng Anh, tiếng Lào, tiếng Campuchia, tiếng Trung Quốc; số hóa các tài liệu, tư liệu và đưa vào cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới;

h) Tổ chức thực hiện:

- Ở các cơ quan Trung ương: Các cơ quan được giao kinh phí thực hiện Tiểu dự án 10.1 theo quy định tại Phụ lục X kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (bao gồm: Ủy ban Dân tộc, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông), có trách nhiệm:

+ Xây dựng, đề xuất kế hoạch thực hiện nhiệm vụ gửi Bộ TTTT tổng hợp, báo cáo theo quy định (theo Biểu mẫu đính kèm Văn bản này)

- + Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành;
- + Báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ TTTT để tổng hợp, báo cáo theo quy định;
- + Gửi sản phẩm thông tin đối ngoại đã hoàn thành (dưới dạng số hóa) về Bộ TTTT (Cục Thông tin đối ngoại) để đưa vào cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới.

- Ở các địa phương:

Căn cứ nguồn kinh phí của Chương trình do Trung ương phân bổ và nguồn kinh phí đối ứng của địa phương, chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với cơ quan có chức năng tham mưu cho UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác dân tộc:

+ Tham mưu cho UBND cấp tỉnh về công tác tổ chức triển khai xây dựng, trình cấp có thẩm quyền tại địa phương xem xét, phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ; gửi kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cho Bộ TTTT tổng hợp, báo cáo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo quy định (theo Biểu mẫu đính kèm Văn bản này).

+ Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Bộ TTTT để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

+ Gửi sản phẩm thông tin đối ngoại đã hoàn thành (dưới dạng số hóa) về Bộ TTTT (Cục Thông tin đối ngoại) để đưa vào cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới

a) Mục tiêu: Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới cho các Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng, nhất là các đơn vị biên phòng và các huyện, các xã khu vực biên giới;

b) Nội dung thực hiện: Xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu, thuê dịch vụ công nghệ thông tin (nếu có) và duy trì, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thông tin đối ngoại;

c) Tổ chức thực hiện:

+ Bộ TTTT chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin đối ngoại phục vụ công tác chỉ đạo hoạt động thông tin đối ngoại trên phạm vi cả nước và khu vực biên giới; phối hợp với các cơ quan liên quan chuyển ngữ bằng tiếng Anh, tiếng Lào, tiếng Campuchia, tiếng Trung Quốc, tiếng dân tộc thiểu số, số hóa các tài liệu, sản phẩm thông tin, tuyên truyền để đưa vào cơ sở dữ liệu.

+ Các bộ, cơ quan Trung ương, UBND cấp tỉnh phối hợp cung cấp các sản phẩm thông tin phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại khu vực biên giới để phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đảm bảo đủ chức năng hỗ trợ phục vụ công tác thông tin đối ngoại, cung cấp thông tin định hướng và tài liệu đến các địa phương, các huyện, xã có đường biên giới, các đồn Biên phòng trên toàn tuyến biên giới.

3. Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ thông tin đối ngoại

a) Đối tượng:

- Cán bộ làm công tác quản lý, cán bộ chuyên trách, phụ trách công tác thông tin đối ngoại tại các Sở Thông tin và Truyền thông, cán bộ làm công tác dân tộc cấp tỉnh, huyện; Lãnh đạo các huyện, các xã biên giới; cán bộ, công chức Phòng Văn hóa - Thông tin thuộc UBND cấp huyện.

- Lãnh đạo, phóng viên, biên tập viên các cơ quan thông tấn, báo chí, các đài phát thanh, truyền hình địa phương; Trang thông tin điện tử thông tin đối ngoại của các sở, ban, ngành, UBND các cấp.

- Cán bộ Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố được phân công kiêm nhiệm, phụ trách thực hiện công tác thông tin đối ngoại; tập trung ưu tiên cán bộ làm công tác tuyên truyền, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ tại các đồn biên phòng, cửa khẩu, cảng biển, tiếp xúc với người nước ngoài.

- Già làng, Trưởng bản, Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn.

b) Nội dung thực hiện:

b1) Xây dựng chương trình; biên soạn, số hóa, in, phát hành tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin đối ngoại cho các lực lượng tham gia hoạt động thông tin đối ngoại khu vực biên giới.

b2) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các đối tượng, bao gồm hình thức trực tuyến, trực tiếp và kết hợp trực tuyến và trực tiếp. Thời gian tập huấn do các cơ quan chủ trì quyết định phù hợp với đối tượng, nội dung tập huấn; đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, tránh hình thức.

c) Tổ chức thực hiện:

- Ở Trung ương: Bộ TTTT chủ trì, phối hợp với Ủy ban dân tộc, Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng) thực hiện:

+ Nội dung b1) điểm b mục 3 phần này phục vụ chung toàn quốc.

+ Tổ chức thực hiện nội dung b2) điểm b mục 3 phần này đối với đối tượng thuộc các cơ quan báo chí, cán bộ liên quan đến công tác quản lý thông tin đối

ngoại cấp tỉnh, cán bộ Biên phòng (lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025).

- Các địa phương:

+ Tổ chức thực hiện nội dung b1) điểm b mục 3 phần này theo yêu cầu đặc thù của địa phương.

+ Thực hiện nội dung b2) điểm b mục 3 phần này đối với các đối tượng do địa phương quản lý (trừ đối tượng do Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện bồi dưỡng, tập huấn).

4. Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, chương trình, giao lưu quốc tế giới thiệu về đất nước Việt Nam và thành tựu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi

a) Nội dung thực hiện:

- Tổ chức tìm hiểu thực tế, trao đổi nghiệp vụ phục vụ công tác thông tin đối ngoại ở trong nước và địa bàn các nước có chung đường biên giới với Việt Nam.

- Tổ chức các chương trình, sự kiện lồng ghép hoạt động thông tin đối ngoại với các hoạt động giao lưu, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, văn hóa của các tỉnh biên giới với các tỉnh bạn có chung đường biên giới nhằm tăng cường mối quan hệ hữu nghị truyền thống với các quốc gia láng giềng; giới thiệu, quảng bá những thành tựu của Việt Nam đến nhân dân các nước có chung đường biên giới, tăng cường hợp tác kinh tế giữa các tỉnh biên giới.

- Tổ chức các hình thức tuyên truyền đối ngoại phù hợp nhân các dịp kỷ niệm, các sự kiện quan trọng giữa Việt Nam với các quốc gia có chung đường biên giới.

- Tổ chức các hoạt động giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới với các nước láng giềng; giao lưu với lực lượng bảo vệ biên giới các nước có chung đường biên giới.

b) Tổ chức thực hiện:

Các cơ quan Trung ương, các địa phương căn cứ điều kiện thực tế xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý và các quy định của pháp luật. Các cơ quan Trung ương khi thực hiện nội dung này cần có sự phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương liên quan để đảm bảo hiệu quả, tránh trùng lặp.

IV. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH VÀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC NGUỒN LỰC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Các bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương thuộc phạm vi được phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại mục 1.2, Phụ lục số X ban hành kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cả giai đoạn và hàng năm gửi Bộ TTTT rà soát, tổng hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP..

2. Biểu mẫu lập kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo văn bản này.

3. Thời gian gửi kế hoạch thực hiện nhiệm vụ về Bộ TTTT trước ngày 15 tháng 7 hàng năm để Bộ TTTT tổng hợp, báo cáo các cơ quan chủ chương trình theo quy định.

V. QUẢN LÝ SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG TÁC GIÁM SÁT, BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh phí thực hiện theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (quy định tại Điều 53) và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Bộ TTTT, các bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện công tác giám sát, đánh giá, báo cáo thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định 27/2022/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các bộ, cơ quan Trung ương:

Bộ, cơ quan ngang Bộ được phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ của Tiểu dự án 10.1 Theo Phụ lục X ban hành kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, (gồm Bộ TTTT, Ủy ban Dân tộc, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp): Thực hiện phân công cơ quan, đơn vị làm đầu mối phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong quá trình tham mưu công tác triển khai, quản lý thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

2. UBND cấp tỉnh:

a) Chỉ đạo, giao Sở TTTT chủ trì, phối hợp với cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về công tác dân tộc thực hiện công tác tham mưu cho UBND cấp tỉnh tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ tại địa phương theo quy định;

b) Bố trí nguồn kinh phí đối ứng, thực hiện lồng ghép thực hiện nhiệm vụ này của Chương trình với các hoạt động khác để nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại khu vực biên giới; tránh trùng lặp với thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án sử dụng vốn nhà nước khác; đảm bảo hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

Trên đây là hướng dẫn của Bộ TTTT về thực hiện nhiệm vụ thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình. Đề nghị các bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn và các quy định hiện hành liên quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ TTTT (Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Thông tin đối ngoại) để phối hợp tham mưu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Anh Tuấn;
- Cục Thông tin đối ngoại;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Phạm Anh Tuấn

PHỤ LỤC

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025**

*(Ban hành kèm theo Công văn số /BT/TTT-KHTC ngày tháng năm 2022
của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

| STT | Nội dung thực hiện | Thực hiện theo mẫu biểu | Ghi chú |
|------------|---|--------------------------------|----------------|
| 1 | Kế hoạch sản xuất các sản phẩm thông tin phục vụ công tác thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | Mẫu số 01 | |
| 2 | Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ thông tin đối ngoại | Mẫu số 02 | |
| 3 | Kế hoạch Tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, chương trình, giao lưu quốc tế giới thiệu về đất nước Việt Nam và thành tựu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi | Mẫu số 03 | |

Mẫu số 01

Bộ, cơ quan Trung ương/tỉnh,
thành phố:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-

....., ngày....tháng năm 20...

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Sản xuất các sản phẩm thông tin phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, thông tin đối
ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Nội dung thực hiện | Đơn vị tính | Số lượng | | | Nguồn kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|-------------|----------|----------|----------|----------------|------------|------|---------|
| | | | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 | NSTW | Địa phương | Khác | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | Bản tin | | | | | | | | |
| 2 | Tài liệu | | | | | | | | |
| 3 | Tờ rơi | Tờ | | | | | | | |
| 4 | Tờ gấp | Tờ | | | | | | | |
| 5 | Áp phích | Tờ | | | | | | | |
| 6 | Thư viện điện tử | | | | | | | | |
| 7 | Video clip | | | | | | | | |
| 8 | Các sản phẩm thông tin điện tử khác | | | | | | | | |

Lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

Bộ, cơ quan Trung ương/ tỉnh,
thành phố:

Số: /KH-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20..

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ thông tin đối ngoại

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Đối tượng bồi dưỡng | Giai đoạn 2023-2025 | | | | Năm 2023 | | | Năm 2024 | | | Năm 2025 | | | Ghi chú | | | |
|-----|---------------------|---------------------|----------------|------------|------|----------|----------------|------------|----------|----------|----------------|------------|------|----------|---------|----------------|------------|------|
| | | Số lượng | Nguồn kinh phí | | | Số lượng | Nguồn kinh phí | | | Số lượng | Nguồn kinh phí | | | Số lượng | | Nguồn kinh phí | | |
| | | | NSTW | Địa phương | Khác | | NSTW | Địa phương | Khác | | NSTW | Địa phương | Khác | | | NSTW | Địa phương | Khác |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.....thángnăm 20....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I: 2021-2025

(Ban hành kèm theo Công văn số /BTTTT-KHTC ngày tháng năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

| STT | Nội dung thực hiện | Thực hiện theo mẫu biểu | Ghi chú |
|-----|---|-------------------------|---------|
| 1 | Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất các sản phẩm thông tin phục vụ công tác thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi | Mẫu số 1 | |
| 2 | Kết quả thực hiện nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ thông tin đối ngoại | Mẫu số 2 | |
| 3 | Kết quả thực hiện nhiệm vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo, chương trình, giao lưu quốc tế giới thiệu về đất nước Việt Nam và thành tựu phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi | Mẫu số 3 | |

Mẫu số 1

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI NĂM...

(Ban hành kèm theo Công số .../2022/TT-BTTTT ngày ... tháng ... năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

| Số TT | Tên Sản phẩm | Số lượng | Nội dung | Hình thức thể hiện (bản tin, tài liệu, tờ rơi, tờ gấp, áp phích thư viện điện tử, video clip, các sản phẩm thông tin điện tử khác) | Ngôn ngữ | Nguồn Kinh phí được cấp | | | Nguồn Kinh phí đã sử dụng | | |
|-------|--------------|----------|----------|---|----------|-------------------------|------------|------|---------------------------|------------|------|
| | | | | | | NSTW | Địa phương | Khác | NSTW | Địa phương | Khác |
| (1) | (2) | (3) | | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Mẫu số 2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI
NĂM....**

(Ban hành kèm theo Công số .../2022/TT-BTTTT ngày ... tháng ... năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

| Số TT | Tên chương trình (tập huấn/bồi dưỡng) | Số lượng lớp | Đối tượng | Số lượng người tham dự | Ngôn ngữ | Nguồn Kinh phí được cấp | | | Nguồn Kinh phí đã sử dụng | | |
|-------|---------------------------------------|--------------|-----------|------------------------|----------|-------------------------|------------|------|---------------------------|------------|------|
| | | | | | | NSTW | Địa phương | Khác | NSTW | Địa phương | Khác |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Mẫu số 3

TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO, GIAO LƯU QUỐC TẾ, SỰ KIỆN THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI NĂM...

(Ban hành kèm theo Công số .../2022/TT-BTTTT ngày ... tháng ... năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

| Số TT | Tên chương trình | Số lượng chương trình | Nội dung | Hình thức (trực tiếp/trực tuyến) | Địa điểm | | Số lượng người tham dự | Nguồn Kinh phí được cấp | | | Nguồn Kinh phí đã sử dụng | | |
|-------|------------------|-----------------------|----------|----------------------------------|------------|------------|------------------------|-------------------------|------------|------|---------------------------|------------|------|
| | | | | | Trong nước | Ngoài nước | | NSTW | Địa phương | Khác | NSTW | Địa phương | Khác |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên